TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬNB THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2021/DS-ST
Ngày: 24-5-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em
2. Ông Nguyễn Như Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang- Thư ký Tòa án nhân dân Quận B– Tp. H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Tp.H: Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 477/2020/DSST ngày 14/12/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-DSST ngày 15/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 04/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính T; địa chỉ trụ sở: Tầng 2, tòa nhà RT, số 9 Đường ĐVB, Phường H, Quận T, Thành phố H; Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông PHL, sinh năm 1981; địa chỉ: 47A, ấp 3, xã PK, huyện B, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 72/UQTA-VH.20 ngày 29/4/2020 của Công ty tài chính T. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông HVT, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 167/5C Đường PHL, Tổ 17, Khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn do ông PHL đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/08/2017, ông HVT có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20170829-0000826 số hiệu hồ sơ 2133012 với Công ty tài chính T vay số tiền 42.200.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn) với lãi suất thỏa

thuận 3.92%/ tháng để tiêu dùng cá nhân, đến ngày 02/9/2017, ông HVT được giải ngân số tiền vay trên. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông HVT có trách nhiệm thanh toán gồm số tiền cả gốc và lãi là 80.443.854 đồng (tám mươi triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi bốn đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.206.140 đồng (hai triệu, hai trăm lẻ sáu ngàn, một trăm bốn mươi đồng); tháng cuối cùng 3.228.954 đồng (ba triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn, chín trăm năm mươi tư đồng) bắt đầu từ ngày 02/10/2017.

Thực hiện hợp đồng, ông HVT đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính T được 18 lần với tổng số tiền đã trả 45.078.140 đồng, bao gồm 23.720.270 đồng tiền vốn gốc và 21.357.870 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 11/01/2019 đến nay, ông HVT không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù VPB FC đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Công ty tài chính T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông HVT phải thanh toán cho Công ty tài chính T toàn bộ số tiền nợ tổng số tiền 35.365.714 đồng (ba mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm mười bốn đồng) bao gồm: nợ gốc 18.479.730 đồng (mười tám triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn, bảy trăm ba mươi đồng) và nợ lãi là: 16.885.984 đồng (mười sáu triệu, tám trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi tư đồng). Trong trường hợp ông HVT không tự nguyện thi hành án đúng hạn, ông HVT còn phải thanh toán cho Công ty tài chính T số tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên toàn bộ số tiền gốc trả chậm tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày thanh toán xong cho Công ty tài chính T.

Bị đơn là ông HVT đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-DSST ngày 15/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 04/5/2021 nhưng ông HVT vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều

195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn Công ty tài chính T về việc buộc bị đơn ông HVT phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ lại theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20170829-0000826 ngày 18/08/2017 thì đây là tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20170829-0000826 ngày 18/08/2017 thể hiện là ông HVT tại thời điểm ký kết với Công ty tài chính T có địa chỉ tại 167/5C PHL, tổ 17, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố H. Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường P Quận B, Thành phố H thì bị đơn là "Ông HVT có hộ khẩu thường trú tại 167/5C PHL, tổ 17, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố H nhưng không thực tế cư ngụ tại địa phương từ năm 2019 đến nay, không rõ đi đâu làm gì" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận B, Thành phố H theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của

Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là ông HVT đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Đơn đề nghị vay vốn kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng tín dụng số 20170829-0000826 ngày 18/08/2017 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở để kết luận: Công ty tài chính T có cho ông HVT vay số tiền 42.200.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn) với lãi suất thỏa thuận 3.92%/ tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông HVT có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi 80.443.854 đồng (tám mươi triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi bốn đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.206.140 đồng (hai triệu, hai trăm lẻ sáu ngàn, một trăm bốn mươi đồng); tháng cuối cùng 3.228.954 đồng (ba triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn, chín trăm năm mươi tư đồng) bắt đầu từ ngày 02/10/2017.

Căn cứ vào bản chi tiết sử dụng và tính lãi hợp đồng tín dụng của Công ty tài chính T, đủ căn cứ xác định ông HVT thanh toán cho Công ty tài chính T 18 lần với tổng số tiền đã trả 45.078.140 đồng (bốn mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, một trăm bốn mươi đồng), bao gồm tiền vốn gốc 23.720.270 đồng (hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi ngàn hai trăm bảy mươi đồng) và 21.357.870 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn tám trăm bảy mươi đồng) tiền lãi và ông HVTcòn nợ lại nợ gốc 18.479.730 đồng (mười tám triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn, bảy trăm ba mươi đồng) và nợ lãi là: 16.885.984 đồng (mười sáu triệu, tám trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi tư đồng), tổng cộng 35.365.714 đồng (ba mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm mười bốn đồng).

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông HVT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông HVT phải thanh toán nợ gốc

18.479.730 đồng (mười tám triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn, bảy trăm ba mươi đồng) và nợ lãi là: 16.885.984 đồng (mười sáu triệu, tám trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi tư đồng), tổng cộng 35.365.714 đồng (ba mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm mười bốn đồng).

Về yêu cầu của Công ty tài chính T buộc bị đơn ông HVT trong trường hợp ông HVT chậm thi hành khoản tiền phải thi hành thì ông HVT còn phải thanh toán cho Công ty tài chính T số tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên toàn bộ số tiền gốc trả chậm tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày thanh toán xong cho Công ty tài chính T, Hội đồng xét xử xét thấy: do bị đơn ông HVT vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng xét có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của VPB FC.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Luật phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức: xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông PHL và bị đơn ông HVT.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính T

- Buộc bị đơn là ông HVT phải thanh toán số tiền nợ gốc 18.479.730 đồng (mười tám triệu, bốn trăm bảy mươi chín ngàn, bảy trăm ba mươi đồng) và nợ lãi là: 16.885.984 đồng (mười sáu triệu, tám trăm tám mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi tư đồng), tổng cộng 35.365.714 đồng (ba mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm mười bốn đồng).

Trong trường hợp ông HVT chậm thi hành khoản tiền phải thi hành đối với số tiền vốn gốc thì ông HVT còn phải trả lãi chậm trả cho Công ty tài chính T theo

mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông HVT phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.768.286 đồng (một triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn, hai trăm tám mươi sáu đồng).

Công ty tài chính T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là là 1.234.143 đồng (một triệu, hai trăm ba mươi bốn ngàn, một trăm bốn mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0041966 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H cho Công ty tài chính T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Công ty tài chính T và ông HVT được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố H trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày được tống đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp.H;
- VKSND Quận B, Tp.H;
- Chi cục THADS Quận B, Tp.H;
- Các đương sự;
- Lưu (TK Trang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Phương